



DẠY CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ TỪ VỰNG CHO HỌC SINH LỚP 6 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO QUAN ĐIỂM TÍCH HỢP

• ThS. HUỖNH THỊ THU VÂN

Sở Giáo dục - Đào tạo Kon Tum

Dạy học Tiếng Việt đã khó, việc dạy các biện pháp tu từ nói chung và tu từ từ vựng nói riêng lại càng khó hơn. Vấn đề không dừng lại ở đấy, mà lại càng trở nên khó khăn hơn nữa khi phải dạy các biện pháp tu từ từ vựng (BPTTTV) theo một hướng mới- theo quan điểm tích hợp. Đứng trước yêu cầu đổi mới dạy học theo hướng tích hợp nói chung và dạy học các BPTTTV cho học sinh lớp 6 theo quan điểm tích hợp nói riêng, giáo viên (GV) phổ thông đang gặp rất nhiều trở ngại.

Việc tìm ra một phương pháp dạy học thích hợp cho các BPTTTV theo quan điểm tích hợp chắc chắn sẽ giúp cho việc dạy học các nội dung này ở nhà trường phổ thông đạt hiệu quả cao hơn.

Các bài học về BPTTTV đã được dạy trong nhà trường trung học cơ sở lâu nay. Song dưới cái nhìn của quan điểm tích hợp, các BPTTTV được nhóm thành cụm bài. Cụm bài các BPTTTV hướng vào sự lựa chọn các văn bản để dạy sao cho các văn bản này phù hợp với kiểu văn bản miêu tả ở phân môn Tập làm văn và phù hợp với kiến thức kĩ năng về ngôn ngữ có liên quan. Vì thế, muốn dạy tốt cụm bài các BPTTTV trong giờ Tiếng Việt, GV không thể không quan tâm đến việc dạy các BPTTTV ngay cả trong giờ Văn; trong giờ Tập làm văn và ngược lại. Phối hợp được 2 chiều ngang- dọc trong việc dạy học các BPTTTV là có thể đạt đến được mục tiêu dạy học các BPTTTV trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, vừa cân bằng năng lực Ngữ văn vừa đem lại kết quả tổng hợp, đồng thời vững chắc trong việc giải quyết những tình huống tích hợp bên cạnh giải quyết tốt cả những vấn đề thuộc mỗi phân môn, tránh kiến thức kĩ năng trùng lặp.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ có hạn của bài báo, tôi xin đề xuất một số biện pháp dạy các BPTTTV theo quan điểm tích hợp trong giờ Tiếng Việt.

1. Dạy các BPTTTV theo nguyên tắc đồng quy

1.1. Tích hợp với văn bản: Khi tích hợp với văn bản, GV cần chọn ngữ liệu từ văn bản để hình thành khái niệm. Kể cả trong phần luyện tập, nếu có cơ hội, GV vẫn tiếp tục sử dụng ngữ liệu từ văn bản chính, văn bản đọc thêm. Nghĩa là GV phải khai thác triệt để ngữ liệu từ văn bản. Ngoài ra, GV có thể sáng tạo ra một số tình huống dựa trên nội dung văn bản đã và đang học để đưa HS về lại với văn bản, "sống" trong không khí của văn bản.

Chẳng hạn: "Giả sử em là bạn thân của Đế Mèn. Sau cái chết của Đế Choắt, em là người hiểu rất rõ rằng bạn của em đang rất đau khổ và ân hận. Em hãy nói lời gì đó an ủi bạn Đế Mèn của mình?".

HS làm được bài tập này chính là GV đã tích hợp giúp HS luyện nói trước lớp, giúp các em dễ dàng trở về với văn bản, đồng thời đó là cách dạy BPTTTV hiệu quả (thay vì GV chỉ đơn thuần yêu cầu các em đặt câu trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá).

Như vậy, có thể nói, dạy BPTTTV thông qua văn bản là cách giúp HS có thêm kiến thức để nâng cao năng lực cảm thụ trong văn bản đồng thời có thêm kiến thức, kĩ năng về các BPTTTV phục vụ giao tiếp.

1.2. Tích hợp với Tập làm văn: Trong giờ Tiếng Việt, khi tích hợp với tiết Tập làm văn, việc dạy về cấu tạo, các kiểu loại hay tác dụng của BPTTTV nên hướng về việc tạo lập văn bản miêu tả. Bên cạnh đó, GV nên tận dụng cơ hội trình bày các thủ thuật quan sát, lựa chọn hình ảnh và sử dụng hình ảnh để diễn đạt như thế nào giúp HS có thêm điều kiện hình thành kĩ năng tạo lập kiểu bài văn miêu tả. Vì thời gian không cho phép cho nên trong tiết tiếng Việt để định hướng tốt với tiết tập làm văn, ngoài kiểu bài tập đặt câu, viết đoạn, cách tốt nhất là GV nên soạn

loại câu hỏi trắc nghiệm. Ở dạng bài tập trắc nghiệm này, GV nên chọn hoặc sáng tạo các ngữ liệu đảm bảo việc củng cố kiến thức tiếng Việt đồng thời tích hợp tốt với tiết tập làm văn. Cũng lưu ý về cách đặt câu hỏi để HS lựa chọn. Các câu đưa ra phải đảm bảo xuyên suốt ý đồ người thiết kế, trong một nội dung, GV vừa giúp HS biết cách sử dụng các BPTTTV để diễn đạt vừa giúp HS ôn cũ hiểu mới về BPTTTV.

Ví dụ: Sau khi quan sát toàn cảnh sân trường trong giờ ra chơi, có một bạn miêu tả như sau, theo em, câu nào không sử dụng nhân hóa: A. Ông mặt trời đã vội vã chạy trốn dưới những gốc phượng già; B. Những chiếc lá bàng trở mình vài lần rồi mới rơi xuống nằm im dưới sân trường; C. Tiếng ồn như vỡ chợ; D. Chú chim sẻ chao mình biến mất khi bất thành linh nghe tiếng trống vang lên; E. Cây phượng đã rụng hết lá.

Ở dạng bài tập này HS sẽ được nhớ lại về phép so sánh, rèn luyện về phép nhân hóa, đồng thời các ngữ liệu đưa ra cũng có mục đích hướng các em đến kiểu văn miêu tả sắp học.

2. Dạy các BPTTTV theo nguyên tắc đồng trực

Trong giờ tiếng Việt, GV cần hình thành kiến thức và kĩ năng cho HS ở các góc độ sau:

2.1. Tích hợp với các kiến thức về đơn vị ngôn ngữ được dạy ở tiểu học: Khi định hướng cho một tiết dạy, GV cần xem xét BPTTTV này HS đã học ở tiểu học hay chưa? Học đến mức nào? Hoặc tri thức, kĩ năng đang học có mối quan hệ ra sao với đơn vị ngôn ngữ đã được cung cấp ở tiểu học? v.v... Mục đích chủ yếu là nhắc lại cho các em nhớ và nối kết các kiến thức đã và sẽ học một cách có hệ thống, khoa học.

Ví dụ ở tiết dạy so sánh, GV có thể kể một câu chuyện HS đã được học mà trong đó có sử dụng so sánh để tích hợp với kiến thức về so sánh mà các em đã được học, hoặc yêu cầu HS đặt câu có sử dụng so sánh để tích hợp với vốn ngôn ngữ có được của các em về so sánh. Sau đó giới thiệu mục đích của tiết học là giúp các em hiểu được khái niệm, cấu tạo và hiểu được giá trị tu từ của so sánh.

2.2. Tích hợp với các đơn vị ngôn ngữ được dạy ở lớp 6: Các đơn vị ngôn ngữ được dạy ở lớp 6 ngoài cụm bài về các BPTTTV còn được chia thành các cụm bài sau: cụm bài về cấu tạo từ, từ loại, cụm từ, cụm bài về nghĩa của

từ, cụm bài về câu và cụm bài về từ mượn. Các tri thức này được xây dựng đảm bảo tính hệ thống của phân môn tiếng Việt. Vì vậy cùng với tri thức thì kĩ năng sử dụng chúng cũng được đặt trong nhiều mối quan hệ.

- *Tích hợp trong quan hệ giữa nội dung và hình thức thể hiện trong mỗi BPTTTV (tích hợp trong một yếu tố).*

Ví dụ: Khi dạy bài so sánh, GV cần cho HS hiểu khái niệm thông qua các tình huống khác nhau bằng cách xác lập mối quan hệ về cấu tạo bên ngoài của so sánh tu từ và nội dung bên trong của nó. Cùng mô hình cấu tạo bên ngoài nhưng phát ngôn "Nam cao như Hải" không phải so sánh tu từ, còn "Trẻ em như búp trên cành" lại là so sánh tu từ. Điều đó có thể lí giải: cấu tạo bên ngoài của hai phát ngôn trên như nhau. Tuy nhiên, khi xét cấu tạo bên trong thì các đối tượng nằm trong hai vế của "Trẻ em như búp trên cành" có một nét tương đồng nào đó và mục đích của phát ngôn này ngoài giá trị nhận thức còn tạo ra giá trị biểu cảm. Còn "Nam cao như Hải" thì mục đích của sự so sánh chỉ có giá trị nhận thức nhằm đem cái chưa biết đối chiếu với cái đã biết để hình dung được cái chưa biết.

Như vậy, HS phải hiểu bản chất của phép tu từ trong mối quan hệ giữa hình thức bên ngoài và cấu tạo bên trong thì mới có thể vận dụng đúng trong tình huống nhất định.

- *Tích hợp trong mối quan hệ giữa các BPTTTV (tích hợp cùng bậc):* Tìm mối quan hệ giữa các yếu tố trong cùng một bậc cũng là cơ sở để phân biệt, khắc sâu sự hiểu biết của các em về các biện pháp tu từ, tránh được sự nhầm lẫn khi sử dụng. Chẳng hạn khi dạy "ẩn dụ" GV có thể tích hợp với "so sánh" và "nhân hóa". Hoặc khi dạy bài "hoán dụ", GV có thể tiến hành tích hợp với "ẩn dụ".

- *Tích hợp với các kiến thức về từ vựng:* Kiến thức về các biện pháp tu từ có quan hệ mật thiết với các kiến thức khác về từ vựng. Bởi vì khi con người phát ngôn là họ đã đứng trước yêu cầu cần sắp xếp, kết hợp, lựa chọn từ ngữ và các BPTTTV là cách lựa chọn sắp xếp từ ngữ để nâng cao hiệu quả biểu đạt sau khi đã tập hợp, huy động vốn từ theo quan hệ liên tưởng. Các kiến thức được trình bày trong chương trình từ tiểu học lên trung học cơ sở cũng đã cung cấp vốn từ theo hệ thống và đảm bảo các mối quan



hệ liên tưởng. Vì thế, các bài học về nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ là cơ sở thuận lợi để HS phân tích và tạo lập các BPTTTV. Chính vì thế khi dạy các BPTTTV không thể bỏ qua việc tích hợp với các kiến thức vốn có quan hệ mật thiết với nhau này.

Ví dụ, ở tiểu học các em đã học nghĩa của từ, trong chương trình lớp 6 các em học " từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ", GV dựa vào các bài này để tích hợp. Nét đặc trưng của các biện pháp tu từ (nhân hoá, ẩn dụ, hoán dụ) là từ ngữ đã làm thời chuyển đổi ý nghĩa, hay nói cách khác từ ngữ đã mang hai tầng nghĩa: nghĩa đen và nghĩa bóng. Nghĩa bóng là một sự chuyển hóa, sự chuyển hóa này thể hiện rõ ở những từ ngữ được sử dụng theo cơ chế tu từ. Như vậy, hiệu quả cơ bản của các BPTTTV là hình thành các nghĩa bóng, nghĩa hình tượng, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, giàu tính biểu cảm.

- *Tích hợp với các yếu tố có quan hệ bao hàm:* Nghĩa là luôn xem xét một cách biện chứng giữa các yếu tố thuộc đơn vị nhỏ và đơn vị lớn hơn. Các BPTTTV luôn tồn tại trong câu, đoạn và văn bản. Việc học về các BPTTTV giúp các em bổ sung thêm kiến thức về cách lựa chọn từ ngữ biểu đạt trên cơ sở đó nắm được cách tạo lập câu và các đơn vị lớn hơn câu. Vì vậy trong một phát ngôn nói chung, HS sẽ dễ dàng "chiếm lĩnh" về kiến thức tu từ có mặt trong đó, ngược lại việc nắm tri thức kĩ năng sử dụng các BPTTTV, HS sẽ sản sinh và tạo lập văn bản một cách tốt nhất.

- *Tích hợp với kiến thức về BPTTTV sẽ học:* Các BPTTTV trong chương trình lớp 6 được xếp cạnh nhau trong cùng một cụm. Vì vậy, đối với kiến thức sẽ dạy, GV có thể giúp HS có được sự hiểu biết tối thiểu về khía cạnh đang đề cập, đồng thời qua đó gợi trí tò mò, tinh thần ham hiểu biết của HS và đặt cơ sở thuận lợi cho việc trình bày các kiến thức sẽ học về sau.

Trên đây là một số biện pháp GV có thể sử dụng khi dạy bất cứ tiết nào trong cụm bài các BPTTTV ở lớp 6. Sẽ không ôm đồm nếu GV chú ý đến tính vừa sức và tạo sức cho HS. Chẳng hạn khi dạy các BPTTTV đảm bảo chiều dọc thì cũng không phải tiết dạy các BPTTTV nào cũng khai thác các mối quan hệ cùng bậc, khác bậc, bao hàm hay mối quan hệ với kiến thức từ vựng

vv...Mà trong sự uyển chuyển, linh hoạt của mình, GV có thể tích hợp trong tiết học nào có điều kiện thuận lợi nhất, hợp lí nhất. Ví dụ ở tiết so sánh thì chưa nên tích hợp với các yếu tố cùng bậc, vì lúc đó HS chưa học đến các biện pháp tu từ như nhân hoá, ẩn dụ..., nếu tích hợp như thế sẽ gây sự mù mờ lúng túng đối với các em. Có chăng thì ở tiết so sánh này GV nên giới thiệu có tính chất dự báo cho tiết học sau. Hoặc khi muốn cung cấp cho các em cái nhìn hệ thống trong mối quan hệ giữa các BPTTTV thì nên chọn tiết ẩn dụ, hay hoán dụ, vì hai tiết học đó HS đã lĩnh hội được ít nhiều kiến thức, kĩ năng.

Tuy nhiên, mức độ tích hợp cần đảm bảo tính chung-đồng tiếp nhận, vừa đảm bảo tính riêng-cá thể hoá tiếp nhận, đảm bảo cho việc trang bị cho người học nền tảng của tư duy, làm sao để cho HS có thể hiểu các kĩ năng và còn được rèn luyện khả năng vận dụng chúng để đưa ra quyết định và giải quyết vấn đề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Dạy các kĩ năng tư duy*, Hà Nội, 2000.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS môn Ngữ Văn*, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Thị Kim Lương, *Phương pháp dạy học phần Tiếng Việt trong sách giáo khoa Ngữ Văn 6 theo hướng tích cực và tích hợp*, Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục, Hà Nội, 2003.
5. Nguyễn Khắc Phi, *Sách GV ngữ văn 6*, tập 2, NXB Giáo dục, 2003.
6. Lê Xuân Soạn, *Suy nghĩ về vấn đề tích hợp trong dạy ngữ văn 6*, Tạp chí giáo dục, (61), tr.31-32, 2003.
7. Xavier Roegiers, Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch, *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực trong nhà trường*, NXB Giáo Dục, 1996.

SUMMARY

The article deals with the teaching of rhetorical measures and vocabulary in an integrated way to teach Vietnamese language to 6th graders, including 1/ Teaching rhetorical measures and vocabulary based on the convergent principle; 2/ Teaching rhetorical measures and vocabulary based on the coaxial principle.